

HT. Thích Trí Tịnh

Đây là do sức quán chiếu mà dứt được các phiền não, nên có thể làm thối lui được các oán cừu.

Chánh văn:

42. Diệu Âm, Quán Thế Âm

*Phạm Âm, Hải Triều Âm*²⁷

Tiếng hơn thế gian kia,

Cho nên thường phải niệm

Niệm niệm chớ sinh nghi.

Giải thích:

Đây là tụng y cứ nơi đức mà lập danh, khuyến trì mà được lợi ích. Vô tâm thuyết pháp nên gọi là Diệu Âm, không suy nghĩ mà biết nên gọi là Quán Âm. Do thanh tịnh vô trước (không dính mắc) nên gọi là Phạm Âm. Cứu ứng kịp thời gọi là Hải Triều Âm. Tất cả đều chẳng phải là những âm thanh của thế gian. Cho nên phải thường niệm tin chắc, chớ sinh nghi vậy.

Chánh văn:

43. Quán Âm bậc Tịnh Thánh

²⁷ Hải Triều Âm: Trong kinh nói đúng thời, phải thời nên gọi là “Ứng bất thất thời” (vì nước biển dâng lên rất đúng giờ).

Nơi khổ não nạn chết
Hay vì làm nương cậy.
Đủ tất cả công đức
Mắt lành trông chúng sinh
Biển phước lớn không lường
Cho nên phải đánh lễ.

Giảng giải:

Đây là tán thán công đức, khuyên nên quy y để hiển bày sự lợi ích. Do đã chứng Pháp thân nên gọi là “*Tịnh Thánh*”. Khắp lợi ích cho chúng sinh nên cùng ở trong khổ não sinh tử mà làm chỗ nương nhờ. Do “*đủ tất cả công đức*” nên đủ mười bốn pháp vô úy. Dùng mắt từ bi nhìn chúng sinh, mà ba mươi hai Ứng thân có đủ. Làm nơi hội tụ phước đức cho chúng sinh vô lượng như biển, nên đáng đánh lễ.

Chánh văn:

44. Bấy giờ, ngài Trì Địa Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát đạo nghiệp tự tại, Phổ môn thị hiện sức thần thông này, thời phải biết công đức người đó chẳng ít”.

Giảng giải:

Đây là kết tán thán công đức nghe phẩm này do ngài Trì Địa đức kết công đức, vì ngài Quán Thế Âm chứng tột Pháp thân, cùng tận của Nhất chân địa mà có thể dùng tâm đại địa nhậm trì chúng sinh xuất sinh công đức. Do vậy, lấy ngài Trì Địa đức kết để tán thán. Quán Thế Âm Bồ-tát dùng Vô tác diệu dụng, ứng hiện nơi chúng sinh gọi là “*đạo nghiệp tự tại*”, không chỗ nào chẳng ứng hiện nên gọi “*Phổ môn thị hiện*”, không chỗ khổ nào mà chẳng cứu vớt nên gọi là “*sức thần thông*”. Ngài Quán Thế Âm đã chứng bậc Diệu Giác, dù ở nơi quả vị mà Ngài chẳng bỏ nhân hạnh của mình. Ngài đã thành Phật mà thị hiện thân khắp Pháp giới nên gọi là “*Phổ môn*”.

Nếu như phẩm Diệu Âm ở trước là thuộc công hạnh của bậc Đẳng giác trở về trước, nên còn nhờ nơi sức Tam-muội, do vậy còn có tướng qua lại (vãng lai), Phật thuyết phẩm này là ý ở nơi *nhập Phật tri kiến*, quyết phá trừ hai sự chấp trước, làm sạch đi hai chướng ngại, cùng tận chân như tế. Hiện đại thân dụng mà nhập vào Diệu Giác, nhân quả nhất như, mới là cứu cánh. Cho

nên tôi (tác giả) căn cứ vào kinh Lăng-già ba loại ý sinh thân trong kinh Lăng-già để giải thích, đó là thuyết minh thứ lớp chứng nhập. Kinh này đã chẳng nói địa vị tiếm thứ, nên đặc biệt đặt kinh này vào vai trò trình bày thật hạnh. Phật chuẩn bị dạy cho hàng Bồ-tát mới được thọ ký để làm chứng nghiệm vị lai nhập Phật tri kiến. Thâm ý thuyết pháp của đức Như Lai, há có thể dùng kiến thức nông cạn mà xem thường đó!

Chánh văn:

45. Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sinh đều phát tâm Vô đẳng đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giải thích:

Đây là đoạn kết, nghe phẩm này mà thành tựu công hạnh. Phật quả Bồ-đề gọi là Vô đẳng đẳng, nghĩa là không có vật gì bằng được mà bằng tất cả. Do đức Quán Thế Âm chứng đắc như vậy (quả vị Bồ-đề), nên người nghe đều phát tâm Bồ-đề để thành tựu diệu hạnh.

*

HAI MƯƠI SÁU

Phẩm Đà-la-ni

Ý có phẩm này là do trước diệu hạnh đã viên mãn sẽ đắc diệu quả. Với những người căn cơ bậc thượng một phen siêu việt thẳng vào, hàng căn cơ bậc trung và hạ căn, vì tạng thức trải qua nhiều tập khí dư thừa tiềm phục trong đó. Dù có công đức tu tập Chỉ Quán, mà trí có chỗ khốn (vướng), thân có chỗ kiếp (chưa tới), nếu chẳng phải nhờ nơi sức gia trì thì chẳng dễ đoạn trừ tập khí. Cho nên, đến đây nói thêm ba phẩm để hiển bày biểu tượng ba loại gia trì, cho nên mới có phẩm này.

Ba loại gia trì là: Thần lực gia trì, Pháp lực gia trì và Hiện thân diện ngôn thuyết gia trì. Trong kinh Lăng-già chỉ nói hai, nay thêm Pháp lực gia trì. Phẩm này thuộc về Thần lực gia trì. Thần chú là bí mật tâm ấn của Bồ-tát, như bí phù (lá bùa riêng) của Thiên tử. Đại tướng cầm cái bí phù đó thì phá được những quân phù cứng nhọn, không có quân địch nào chẳng khắc phục được (ý nói cầm bí phù này cũng như quân lệnh, nên ai cũng tuân theo). Tạng thức là hang ổ của sinh tử, rất thâm u nên trong kinh nói rằng: *“Kinh Tạng Pháp Hoa này sâu chắc kín xa không ai có thể đến được”*. Tập khí tiềm phục trong tạng thức, năng lực Chỉ Quán chẳng đến được nên phải nhờ sức bí mật tâm ấn của Như Lai để công phá nó.

Kinh Lăng-nghiêm nói: *“Nếu người tu hành tập khí chưa trừ, cần phải nhất tâm tụng thần chú của Ta”* là ý như ở đây vậy.

Kinh Lăng-già nói: *“Nếu chẳng dùng thần lực để kiến lập thì dễ đọa vào ngoại đạo, ác kiến, vọng tưởng và các ước vọng của Thanh văn cùng chúng ma”*. Thế nên, từ Thất địa trở về trước chẳng có sự gia trì thì đọa vào ngoại đạo, Đệ bát

HT. Thích Trí Tịnh

địa không có sự gia trì thì sa vào vào hàng Nhị thừa, Đệ cửu địa cho đến Đẳng giác nếu không có gia trì thì không thể nhập vào Diệu Giác. Vì Thất địa trở về trước tạng thức chưa bị phá, Đẳng giác về trước (Thập địa, Cửu địa và Bát địa) dù phá tạng thức nhưng Dị thực thức chưa hết, nên cần phải nhờ vào sự gia trì.

Tuy nhiên, ba loại ý sinh thân là để chiêm nghiệm những bậc đã đến (bậc chứng nhập Phật tri kiến ban đầu là phát ra diệu dụng là Tam-muội nhạo ý sinh thân. Kế đó lại phát ra diệu dụng là Giác pháp tự tánh, Tánh ý sinh thân, và diệu dụng cứu cánh sau cùng là Chứng loại Câu sinh vô hành tác ý sinh thân).

Còn ba loại gia trì này để cảnh giác những người chưa chứng nhập. Đức Như Lai thuyết pháp về đại nghĩa thông thường như đây, đừng cho rằng sau ý sinh thân mới có gia trì. Muôn lần chớ nên lấy cái có trước sau để xem²⁸.

²⁸ Ý rằng không nên đem ba thứ gia trì này cho là sau ba ý sinh thân. Vì sao? Vì ba ý sinh thân là nói ở bậc đã chứng, còn ba thứ gia

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Dược Vương Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu chấp tay hướng Phật mà bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hay thọ trì được kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng thông lệ, hoặc biên chép quyển kinh, đặng bao nhiêu phước đức?”.

Phật bảo ngài Dược Vương: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường tám trăm muôn ức Na-do-tha Hằng hà sa các đức Phật. Ý ông nghĩ sao? Người đó đặng phước đức có nhiều chăng?”. “Thưa Thế Tôn! Rất nhiều”.

Phật nói: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân ở nơi kinh này có thể thọ trì hẳn đến một bài kệ bốn câu đọc tụng giải nghĩa, đúng như lời mà tu hành thời công đức rất nhiều”.

Lúc đó, ngài Dược Vương Bồ-tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con nay sẽ cho người nói kinh Pháp Hoa chú Đà-la-ni để giữ gìn đó. Liền nói chú rằng:

Giảng giải:

trì là nói ở bậc chưa chứng nhập Phật tri kiến, nên cần gia trì để chứng nghiệm cho sự tu chứng.

Đây là nói phước trì kinh toan hiển bày lợi ích lớn của nhập Phật tri kiến. Nhân do ngài Dược Vương phát khởi. Trước kia lấy ngài Dược Vương làm biểu tượng Chỉ Quán, hơn nữa để làm bước đầu cho sự khổ hạnh trì kinh, và sự giác ngộ ban đầu của nhập Phật tri kiến (ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ-tát là tiền thân của ngài Dược Vương, Ngài tu khổ hạnh bao nhiêu năm để trì kinh Pháp Hoa và đăc “Hiện nhất thiết sắc thân Tam-muội”, đây là bước đầu nhập Phật tri kiến).

Ở đây, ngài Dược Vương thỉnh vấn (thưa hỏi) để chỉ bày cho hàng Bồ-tát mới được thọ ký. Ban đầu dùng Chỉ Quán để điều tâm, rồi sau dùng mật chú để tiêu trừ tập khí. Do Phật dạy tu hành có hai công hạnh: Hiển và Mật. Vậy Chỉ Quán là hạnh Hiển, thần chú là hạnh Mật.

Kinh Lăng-nghiêm nói: *“Nếu người tu hành tập khí chưa trừ, thì phải nên nhất tâm tụng thần chú của Ta”*. Thế nên, người tu sắp lên ngôi vị giác (địa vị giác ngộ), hoặc giả bị ma lực phá hoại là do tập khí tạo nên như thế. Cho nên, đời mạt thế, người trì kinh cần phải nhờ thần chú gia trì mới bảo đảm không lo bị hại.

Kinh Lăng-già nói: “*Từ Thất địa trở về trước chẳng nhờ sự gia trì thì đọa vào ước vọng của ma*”, là nói cái cố này vậy.

Phẩm này phán về Thần lực gia trì mà ban đầu hỏi về phước đức của sự trì kinh. Trước hết nói về lợi ích trì kinh, Phật pháp phần nhiều nói về căn cơ và lợi tha chúng sinh. Còn nay đây nói về phước đức, chuyên chỉ rõ tự lợi ở nơi mình. Do kinh này chứa nhiều lợi ích lớn, nếu phước không dày không thể gánh vác nổi. Như người nghe kinh Bát-nhã, không phải ở nơi một đức Phật mà ở nơi hai, ba, bốn, năm đức Phật vun trồng thiện căn, nghĩa là không có phước thì không chở được huệ vậy (kinh Kim Cang nói: “*Nếu không có phước dày thì không thể chở được trí huệ lớn*”).

Nói “*đọc tụng*” là nói thông lợi (nói đọc tụng thông lợi là nói đọc tụng phải thuộc, hiểu, nhớ và tu theo, chứ không phải là đọc tụng suông, không hiểu, nhớ và tu theo mà gọi là thông lợi). Do nhập Phật tri kiến nên gọi là “*đúng như lời mà tu hành*”. Bởi phước trì kinh được trí huệ lớn, nếu không nhờ thần lực thì không thể bảo toàn nên cần phải có gia trì. Thế nên, trước kia khi so sánh công

HT. Thích Trí Tịnh

đức chỉ nói về Thất bảo. Nay đặc biệt nói công đức cúng dường Phật, nói phước tức là huệ vậy. Cho nên, Phật mới ẩn khả rằng: “*Đúng như lời mà tu hành thời công đức rất nhiều*”.

Chánh văn:

2. “An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ, chỉ lệ, già lê đệ, xa mế, xa lý đa vĩ chuyên đế, mục đế mục đa lý, ta lý, a vĩ ta lý, tang lý, ta lý xoa duệ, a xoa duệ, a kỳ nhị chuyên đế, xa lý, đà la ni, a lư dà bà ta ky dá tỳ xoa nhị, nễ tỳ thế, a tiện đa la nễ lý thế, a đàn đá ba lệ thâu địa, âu cứu lệ, mâu cứu lệ, a la lệ, ba la lệ, thủ ca sai, a tam ma tam lý, Phật đà tỳ kiết lợi diệt đế, đạt ma ba lợi sai đế, tăng già niết cù sa nễ, bà xá bà xá thâu địa, mạn đá lã, mạn đá lã xoa dạ đa, bư lâu đá, bư lâu đá kiêu xá lược, ác xoa lã, ác xoa dã đa dã, a bà lư, a ma nhã na đa dạ”.

Giải thích:

Đây là bí mật thần chú, là tâm ấn của chư Phật, từ trước đến nay chưa có phiên dịch. Vấn đề dịch thuật từ Phạn qua Hán, có năm điều không dịch:

1. Vì bí mật nên chẳng phiên dịch, tức là Thần chú.

2. Vì chứa nhiều nghĩa nên chẳng phiên dịch, như từ Bà-già-bà.

3. Ở nước này không có nên không phiên dịch, như cây Diêm Phù.

4. Thuận theo xưa chẳng phiên dịch, như từ A-nậu Bồ-đề.

5. Vì tôn trọng nên chẳng phiên dịch, như từ Bát-nhã.

Thần chú này thuộc về một trong năm điều không dịch, như mật hiệu trong quân, chỉ giữ nó để làm cho xong công việc, chớ chẳng cần cho người biết nghĩa.

Chánh văn:

3. Thế Tôn! Thần chú Đà-la-ni này của sáu mươi hai ức Hằng hà sa các đức Phật nói. Nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này, thời là xâm hủy các đức Phật rồi.

Giảng giải:

Thần chú được gọi là Đà-la-ni, dịch là Tổng trì, nghĩa là bao gồm tất cả các pháp và nắm giữ vô lượng nghĩa, đó là ý nghĩa xưng tâm ấn. Thần chú này được thuyết bởi sáu mươi hai ức chư Phật,

HT. Thích Trí Tịnh

tức là tâm ấn của chư Phật, hệ thuộc ở nơi Pháp sư trì kinh, nên cần có chú này để hộ trì họ. Trước ngài Dược Vương đã nói là khởi đầu việc thuyết rõ hai công hạnh Hiển và Mật.

Chánh văn:

4. Lúc đó, đức Thích-ca Mâu-ni Phật khen Dược Vương Bồ-tát rằng: "Hay thay! Hay thay! Dược Vương! Ông thương xót muốn ủng hộ vị Pháp sư đó, nên nói chú Đà-la-ni này, được nhiều lợi ích ở nơi các chúng sinh".

Giải thích:

Đây là đức Thế Tôn ấn khả và tán thán ngài Dược Vương.

Chánh văn:

5. Lúc bấy giờ, ngài Dược Vương Bồ-tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con cũng vì ủng hộ người đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà nói chú Đà-la-ni. Nếu vị Pháp sư đó tụng chú Đà-la-ni này, hoặc Dạ-xoa, La-sát hoặc Phú-đơn-na, hoặc Kiết-giá, hoặc Cựu-bàn-trà, hoặc Nga quý v.v... rình tìm chỗ dở của Pháp sư không thể tụng trọn vẹn". Liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

"Toa lệ, ma ha toa lệ, úc chỉ, mục chỉ, a lê, a la bà đệ

niết lệ đê, niết lệ đa bà đê, y trí nỉ, vi trí nỉ, chỉ trí nỉ, niết lệ trì nỉ, niết lệ trì bà đê”.

Thế Tôn! Thần chú Đà-la-ni này của Hằng hà sa các đức Phật nói, cũng đều tùy hỷ. Nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này thời là xâm hủy các đức Phật đó rồi.

Giải thích:

Đây là ngài Dõng Thí Bồ-tát thuyết thần chú để hộ trì Pháp sư. Muốn nhanh chóng đoạn trừ tập khí chẳng có dõng mãnh thì không thể được. Nhờ sự trợ lực này mà thành tựu diệu hạnh, cho nên thuyết chú này sau ngài Dược Vương là ngài Dõng Thí vậy. “*Dạ xoa*” v.v... đều là các loài quỷ não hại. Vị Pháp-sư trì kinh thời mặt pháp gặp nhiều sự hãm hại, nếu không nhờ sức thần chú, không thể tránh khỏi sự phá hoại thành quả của mình, cho nên cần phải gia trì.

Chánh văn:

6. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên Vương vị Trời hộ đời bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con cũng vì thương tưởng chúng sinh ủng hộ vị Pháp sư đó mà nói Đà-la-ni này. Liền nói chú rằng: “A lê, na lê, nâu na lê, a na lư, na lý, câu na lý”.

HT. Thích Trí Tịnh

Thế Tôn! Dùng thần chú này ủng hộ Pháp sư, con cũng tự phải ủng hộ người trì kinh này, làm cho trong khoảng trăm Do-tuần không có các điều tai hoạn.

Giảng giải:

Tỳ-sa-môn là vị Thiên Vương ở phương Bắc, một trong bốn vị Thiên Vương hộ trì thế gian, thống lĩnh quỷ thần, làm chủ cõi sinh tử. Phương Bắc nói thần chú trước, phương Bắc trong bát quái là cung Khảm. Chữ Khảm có nghĩa là hãm (nguy hại). Do vì một vị dương bị hãm trong hai âm, để chỉ bày ảnh tượng sinh tử hiểm nạn. Người tu hành ở trong sinh tử hiểm nạn, muốn liễu chứng Bồ-đề, nếu không có thần lực gia trì, thì làm sao ra khỏi sinh tử hiểm nạn được! Tỳ-sa-môn Thiên Vương là chủ nhân của hiểm họa nên nói thần chú trước.

Chánh văn:

7. Bấy giờ, Trì Quốc Thiên Vương ở trong hội này cùng với nghìn muôn ức Na-do-tha chúng Càn-thát-bà cung kính vây quanh đến trước chỗ Phật, chấp tay bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con cũng dùng thần chú Đà-la-ni ủng hộ người trì kinh Pháp Hoa. Liền nói chú rằng:

"A dà nể, dà nể, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đẳng kỳ thường cầu lợi, phù lâu tá nỉ, ác đế".

Thế Tôn! Thần chú Đà-la-ni này là của bốn mươi hai ức các đức Phật nói, nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này thời là xâm hủy các đức Phật đó rồi.

Giảng giải:

Trì Quốc Thiên Vương ở phương Đông. Phương Đông ở trong bát quái là quẻ Chấn. Chũ Chấn tức là động. Phương Đông là đầu mối của các biến động. Kinh Dịch nói: “*Kiết, hung, hối, lân thì sinh ở nơi động*”. Luận Khởi Tín nói: “*Động thì cất có khổ*” (bất giác tâm động). Thế nên, người tu hành ở sinh tử động loạn mà tu hành đạt được thanh tịnh, nếu chẳng có thần lực gia trì thì làm sao để đến nơi cảnh tịch diệt ư! Đến như quẻ phương Nam là quẻ Ly. Chũ Ly tức là đẹp, là biểu tượng hư minh (rõ ràng đẹp đẽ). Quẻ phương Tây là quẻ Đoài. Chũ Đoài tức là vui vẻ. Ở trong cảnh rõ sáng (hư minh), vui vẻ thì không cần sự gia trì, nên hai vị Thiên Vương không cần nói thêm.

Chánh văn:

8. Bảy giờ, có những La-sát nữ: một tên Lam-bà, hai tên Tỳ-lam-bà, ba tên Khúc Xỉ, bốn tên Hoa Xỉ, năm tên Hắc Xỉ, sáu tên Đa Phát, bảy tên Vô Yểm Túc, tám tên Trì Anh Lạc, chín tên Cao Đế, mười tên Đoạt Nhất Thiết

HT. Thích Trí Tịnh

Chúng Sinh Tinh Khí. Mười vị La-sát nữ đó cùng với quý Tử Mẫu, con và quyến thuộc đều đến chỗ Phật, đồng tiếng bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa, trừ sự khổ hoạn cho người đó. Nếu có kẻ rình tìm chỗ dở của Pháp sư, thời làm cho chẳng đặng tiện lợi”. Liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

“Y đề lý, y đề dẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, lâu hê, lâu hê, lâu hê, lâu hê, đa hê, đa hê, đa hê, đầu hê, nâu hê”.

Thà trèo lên đầu chúng con, chớ đừng nào hại Pháp sư, hoặc Dạ-xoa, hoặc La-sát, hoặc Nga quý, hoặc Phú-đơn-na, hoặc Kiết-giá, hoặc Tỳ-đà-la, hoặc Kiên-đà, hoặc Ô-ma-lặc-đà, hoặc A-bạt-ma-la, hoặc Dạ-xoa-kiết-giá, hoặc Nhân-kiết-giá, hoặc quý làm bệnh nóng, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc đến bảy ngày, hoặc làm bệnh nóng luôn, hoặc hình trai, hoặc hình gái, hoặc hình đồng nam, hoặc hình đồng nữ, nhả đến trong chiêm bao cũng lại chớ nào hại”.

Liền ở nơi trước Phật mà nói kệ rằng:

*Nếu chẳng thuận chú ta
Nào loạn người nói pháp
Đầu vỡ làm bảy phần*

Như nhánh cây A-lê
Như tội giết cha mẹ
Cũng như họa ép dầu
Cân lường khi dối người
Tội Điều Đạt phá Tăng
Kẻ phạm Pháp sư đây
Sẽ mắc họa như thế.

Những La-sát nữ nói kệ đó rồi, bạch Phật rằng:
“Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ tự mình ủng hộ người thọ
trì đọc tụng tu hành kinh này, làm cho đặng an ổn, lìa
các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc”.

Phật bảo các La-sát nữ: “Hay thay! Hay thay! Các
người chỉ có thể ủng hộ người thọ trì tên kinh Pháp Hoa
phước chẳng thể lường được rồi, huống là ủng hộ người
thọ trì toàn bộ cúng dường quyển kinh, hoa hương,
chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, phan,
lọng, kỹ nhạc, thắp các thứ đèn: đèn nến, đèn dầu, các
thứ đèn dầu thơm, đèn dầu bông Tô-ma-na, đèn dầu
bông Chiêm-bạc, đèn dầu bông Bà-sư-ca, đèn dầu bông
Ưu-bát-la, nghìn trăm thứ cúng dường như thế.

Cao Đế! Các người cùng quyền thuộc phải nên ủng
hộ những Pháp sư như thế”.

Giảng giải:

HT. Thích Trí Tịnh

Những La-sát nữ này do Tỳ-sa-môn Thiên vương thống lãnh, cho nên cũng nói thần chú cũng hộ trì Pháp sư thọ trì kinh Pháp Hoa. La-sát nữ là quý u muội (tối tăm) cùng quỷ Tử Mẫu bay đi ăn thịt người. Người nữ là tội âm tà, đây là chỉ bày vô minh tập khí sát nghiệp tàn hại Pháp thân. Dùng Chỉ Quán để thấu suốt, chuyển hóa vô minh thành tâm quang diệu minh (ánh sáng huệ tâm), nên La-sát nữ đem tự thân mình ủng hộ người thọ trì, đọc tụng tu hành kinh Pháp Hoa này. Liền khiến cho Tam độc sạch hết không còn thừa, chỗ gọi là *“liã các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc”* (tham sân si).

“Hoặc Dạ-xoa, hoặc La-sát v.v...” đều là ác quỷ của các bộ chúng. Đây đều chỗ làm não hại thì không còn có ai có thể làm não hại vậy.

Đức Phật tán thán ấn hứa rằng *“chỉ có thể ủng hộ người thọ trì tên kinh Pháp Hoa phước chẳng thể lường được rồi, huống là ủng hộ người thọ trì toàn bộ cúng dường quyển kinh”*, phước đức đó chẳng thể nghĩ bàn.

Cúng dường Phật thì dùng hương đèn, đó là biểu tượng cho diệu kế Pháp thân, ngấm thông

Pháp giới, cho nên, đem hương để cúng dường là trên hết. Tất cả phiền não từ nơi niệm khởi, hóa thành Vô thượng tri giác (trí huệ vô thượng), nên gọi là dùng các thứ đèn để cúng dường là đệ nhất.

Chánh văn:

9. Lúc nói phẩm “Đà-la-ni” này, có sáu muôn tám nghìn người đặng Vô sinh pháp nhẫn.

Giải thích:

Đây là nghe phẩm Đà-la-ni này mà thành tựu công hạnh, vì Hiền và Mật song tu, liền được Lục căn thanh tịnh, Bát thức viên minh. Cho nên “*sáu muôn tám nghìn người đặng Vô sinh pháp nhẫn*”. Đây là lợi ích của thần lực gia trì vậy.

*

HAI MƯƠI BẢY

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự

Ý có phẩm này là thuyết minh biểu tượng chuyển thức thành trí để hiển bày “*pháp lực gia trì*”. Diệu Trang Nghiêm Vương là Như Lai tạng tại triền mà thành Bát thức tâm vương. Nay hiển phát bản chân nên gọi là “*bản sự*”. Hai người con Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn là biểu tượng cho Lục thức và Thất thức, chuyển nhiễm thành tịnh. Vị phu nhân nhu thuận nội trợ (hỗ trợ bên trong) là biểu tượng

cho Chỉ Quán nội huân. Trừ sạch vô minh nên gọi là Tịnh Đức. Do Lục thức và Thất thức ở trong nhân chuyển hóa, nên hai vị Vương tử trước thỉnh xuất gia. Hai người con chuyển được tà tâm của cha, tất cả đồng xuất gia, chánh hiển bày biểu tượng cho Bản giác tại thiên (trí Bản giác ra khỏi sự trói buộc). Đây là sức mạnh của Chỉ Quán, là Pháp thân Bồ-tát được tâm vô phân biệt và trí dụng của chư Phật tương ứng. Nhờ pháp lực tự nhiên tu hành huân tập chân như, diệt hết vô minh, cho nên gọi là “*Pháp lực gia trì*”, vì thế nên có phẩm này.

Ý cho rằng do thần lực gia trì, ngoại ma đã diệt, pháp lực nội huân bên trong, trừ sạch hai chướng, chứng hai pháp chuyển y nên gọi là Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự.

Trước nói “*Thần lực gia trì*” là biểu tượng của bậc Thất địa nhĩn trở về trước, còn “*Pháp lực gia trì*” là biểu tượng cho ra khỏi Bát địa Chân như Tam-muội, tiến lên Cửu địa nhĩn đến bậc Đẳng giác.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, Phật bảo hàng đại chúng rằng: “Về thuở xưa, cách đây vô lượng vô biên bất khả tư nghì A-

HT. Thích Trí Tịnh

tăng-kỳ kiếp, có đức Phật hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Nước đó tên Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên Hỉ Kiến”.

Giải thích:

Đây là toàn hiển bày bốn sự của Diệu Trang Nghiêm vương, trước trình bày đức Phật thầy của Ngài, Phật “*hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí*”. Mây dày sắp mưa, ắt có sấm sét nổi lên trước nên gọi là Vân Lô Âm. Tú là quả giác ngộ, Hoa là nhân hạnh, đây dùng trí quả giác ngộ để làm tâm nhân địa tiến lên Cửu địa, mây pháp, mưa pháp của chư Phật đều có thể lãnh thọ. Cho nên, thầy của Phật hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí. Quốc độ Thường Tịch Quang lấy ánh sáng để trang nghiêm nên gọi là Quang Minh Trang Nghiêm. Tịnh độ là chỗ về của các bậc Thánh nên gọi là Hỉ Kiến. Đây là nêu lên đức Phật thuở xưa vậy.

Chánh văn:

2. Trong pháp hội của Phật đó có vị vua tên Diệu Trang Nghiêm, phu nhân của vua tên Tịnh Đức có hai người con, một tên Tịnh Tạng, hai tên Tịnh Nhãn.

Giảng giải:

“*Vua tên Diệu Trang Nghiêm*” nghĩa là Như Lai tạng nguyên là Diệu nghiêm quả thể, vì mê mà thành A-lại-da thức, nên gọi là Bát thức tâm vương, do vậy mà có ra Lục thức và Thất thức, chuyển thức tạo ra các nghiệp, thọ nhận các khổ. Nếu chuyển hóa Thất thức thành Bình đẳng tánh trí, thì tạng thức không còn nhiễm ô nào để lãnh thọ nên gọi là “*Tịnh Tạng*”. Nếu chuyển Lục thức thành Diệu quan sát trí, thì phân biệt kiến chấp liền tiêu, kiến phần cũng mất liền được pháp nhãn thanh tịnh, nên gọi là “*Tịnh Nhãn*”. Đây là biểu tượng chuyển hóa từ ô nhiễm thành thanh tịnh.

Chánh văn:

3. Hai người con đó có sức thần thông lớn, phước đức trí huệ, từ lâu tu tập đạo hạnh của Bồ-tát, những là: Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiên Ba-la-mật, Trí huệ Ba-la-mật, Phương tiện Ba-la-mật, từ bi hỷ xả nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp thủy đều rành rẽ suốt thấu.

Giảng giải:

Hai người con trai này có sức thần thông lớn,

HT. Thích Trí Tịnh

đó là hiển bày hai trí (Bình đẳng tánh trí và Diệu quan sát trí) có lực dụng rộng lớn. Bồ-tát tu Lục độ vạn hạnh cùng với Phật, từ bi hỷ xả, Tứ vô lượng tâm nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đều nương lực dụng của hai trí. Cho nên nói là *“thấy đều rành rẽ suốt thấu”*. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo. Những công hạnh thành Phật đại khái chẳng ra ngoài đây.

Công hạnh Bồ-tát lấy Tứ vô lượng tâm làm nền tảng, sáu pháp Ba-la-mật làm tác dụng, ba mươi bảy phẩm trợ đạo làm hỗ trợ, đều là công hạnh tu tập chuyển thức thành trí của hai thức Đệ lục và Đệ thất.

Chánh văn:

4. Lại đặng các môn Tam-muội của Bồ-tát: Nhật tinh tú Tam-muội, Tịnh quang Tam-muội, Tịnh sắc Tam-muội, Tịnh chiếu minh Tam-muội, Trường trang nghiêm Tam-muội, Đại oai đức tạng Tam-muội, ở nơi các môn Tam-muội này cũng đều thấu suốt.

Giảng giải:

Đây là nói về các môn Tam-muội của hai người con. Dùng hai trí quán chiếu, mỗi niệm tưởng đều thanh tịnh trừ sạch vô minh nên gọi là Tịnh Tam-muội. Mặt trời là tượng trưng cho Căn bản trí, tinh tú là biểu tượng cho quán sát vi tế, nên gọi là “*Nhật tinh tú Tam-muội*”. Chiếu sáng cả ba thể gọi là “*Tịnh quang Tam-muội*”. Rõ đạt căn trần gọi là “*Tịnh sắc Tam-muội*”. Mỗi niệm đều trang nghiêm Pháp thân nên gọi là “*Trường trang nghiêm Tam-muội*”. Có thể phá phiền não các ma chướng nên gọi là “*Đại oai đức tạng Tam-muội*”. Đây đều là biểu tượng sức Chỉ Quán của hai trí.

Chánh văn:

5. Lúc đó, đức Phật kia vì muốn dẫn dắt vua Diệu Trang Nghiêm cùng thương tưởng hàng chúng sinh nên nói kinh Pháp Hoa này.

Bấy giờ, Tịnh Tạng, Tịnh Nhân, hai người con đến chỗ của mẹ, chấp tay thưa mẹ rằng: “Mong mẹ đến nơi chỗ đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, chúng con cũng sẽ theo hầu gần gũi cúng dường lễ lạy”.

Vì sao? Vì đức Phật đó ở trong tất cả chúng trời người mà nói kinh Pháp Hoa, nên phải nghe và tin nhận.

Mẹ bảo con rằng: “Cha con tin theo ngoại đạo, rất ham pháp Bà-la-môn, các con nên qua thưa với cha để cùng nhau đồng đi”.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhân chấp tay thưa mẹ: “Chúng con là Pháp vương tử mà lại sinh vào nhà tà kiến này!”.

Mẹ bảo con rằng: “Các con nên thương tưởng cha các con, mà vì đó hiển phép thần thông biến hóa, nếu cha con đặng thấy lòng ắt thanh tịnh, hoặc là chịu cho chúng ta qua đến chỗ Phật”.

Giảng giải:

Đây là trình bày nhân duyên hai người con giáo hóa vua cha. Nếu chẳng phải Nhất thừa diệu pháp, Phật tri kiến địa thì chẳng có thể chuyển hóa được các nghiệp thức đó. Cho nên nói là *“muốn dẫn dắt vua Diệu Trang Nghiêm cùng thương tưởng hàng chúng sinh nên nói kinh Pháp Hoa này”*, nếu không phải là sức trí dụng Chỉ Quán của hai thức thì không thể khai Phật tri kiến, nên hai người con đến chỗ mẹ, xin mẹ đến gặp Phật để nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Công hạnh của Chỉ Quán làm tác dụng chuyển tà pháp, nên khiến qua thưa với phụ vương cùng đi. Hai thức vốn là diệu minh Phật trí, nay là tác dụng của

thức nên nói là “sinh vào nhà tà kiến”. Nhờ Chỉ Quán huân biến vô minh mới chuyển nhiễm làm cho thành thanh tịnh, nên người mẹ bảo hai con “hiển phép thần thông biến hóa, nếu cha con đặng thấy lòng ắt thanh tịnh”.

Chánh văn:

6. Lúc ấy, hai người con thương cha nên bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, hiện các món thần biến. Ở trong hư không, đi, đứng, ngồi, nằm, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, dưới thân ra nước, trên thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đầy trong hư không rồi lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, ở trong hư không ẩn mất, bỗng nhiên hiện trên đất, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, hiện các món thần biến như thế làm cho vua cha lòng thanh tịnh tin hiểu.

Giải thích:

Đây là hai người con hiện ra thần biến để cảnh phát tâm của vua cha, nghĩa là dùng vô tác trí dụng tự tâm thể cho nên bay lên hư không. Đất, nước, gió, lửa đều là tướng phân của Bát thức, một bề chấp lấy làm ngã và ngã sở. Nay mọi thứ đều biến hóa, tiêu dung vô ngại, mới rời lìa tâm chấp

HT. Thích Trí Tịnh

thủ. Điều đó làm cho vua cha thấy được diệu dụng của tâm mà sinh lòng tin hiểu.

Chánh văn:

7. Bấy giờ, cha thấy con có sức thần như thế, lòng rất vui mừng đặng chưa từng có, chấp tay hướng về phía con mà nói rằng: “Thầy các con là ai, con là đệ tử của ai?”.

Hai người con thưa rằng: “Đại Vương! Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật kia nay đương ngồi trên pháp tòa dưới cây Bồ-đề bằng bảy báu, ở trong tất cả chúng trời người thế gian, rộng nói kinh Pháp Hoa, đó là thầy chúng con, con là đệ tử”.

Cha nói với con rằng: “Ta nay cũng muốn ra mắt thầy các con, nên cùng nhau đồng đi”.

Giải thích:

Đây là vua cha thấy được thần lực mà sinh lòng vui mừng, phát tâm muốn ra mắt Phật. Vì tàng thức được tác dụng trí huệ của Lục thức và Thất thức huân tập, liền có cơ chuyển biến. Do vậy mà hỏi “*thầy các con là ai, con là đệ tử của ai?*” và muốn cùng nhau đồng qua để ra mắt Phật.

Chánh văn:

8. Khi đó, hai người con từ trong hư không xuống, đến chỗ của mẹ chấp tay thưa mẹ rằng: “Phụ vương nay đã tin hiểu, có thể kham phát được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng con đã vì cha làm Phật sự rồi, mong mẹ bằng lòng cho chúng con, ở nơi chỗ đức Phật kia mà xuất gia tu hành Phật đạo”.

Lúc đó, hai người con muốn tuyên lại ý mình nói kệ thưa mẹ:

*Mong mẹ cho các con
Xuất gia làm Sa-môn
Chư Phật rất khó gặp
Chúng con theo Phật học
Như hoa Ưu-đàm-bát
Gặp Phật lại khó hơn
Khỏi các nạn cũng khó
Mong cho con xuất gia.*

Mẹ liền bảo con rằng: “Cho các con xuất gia. Vì sao? Vì Phật khó gặp vậy”.

Giải thích:

Hai người con thấy vua cha đã có lòng tin, bèn đến thưa với mẹ xin được xuất gia. Do Đệ lục và Đệ thất thức trong nhân tố đã chuyển hóa nên

HT. Thích Trí Tịnh

trước tiên xin xuất gia. Tuy nhiên, nếu không nhờ sức Chỉ Quán nội huân (huân tập bên trong) thì chẳng có thể thân chứng Phật huệ. Thế nên, người mẹ bảo con rằng “*cho các con xuất gia*” để hiển bày “*vì Phật khó gặp vậy*”, ý muốn có tâm tin hiểu sâu chắc mới có thể nhập Phật tri kiến.

Chánh văn:

9. Bấy giờ, hai người con thưa cha mẹ rằng: “Lành thay, cha mẹ! Xin liền qua đến chỗ đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật để gần gũi cúng dường”.

“Vì sao? Vì Phật khó gặp đặng, như hoa Linh Thoại, lại như rùa một mắt gặp bông cây nổi mà chúng ta do phước đời trước sâu dày, sinh đời này gặp Phật pháp, xin cha mẹ nên cho chúng con đặng xuất gia”.

“Vì sao? Vì các đức Phật khó gặp được, thời kỳ gặp Phật cũng khó có”.

Giải thích:

Đây là hai người con thưa xin cha mẹ đồng qua gặp Phật, ý hiển bày ban đầu do Chỉ Quán huân biến (huân tập mà chuyển biến), tâm và cảnh nhất như, có thể *nhập Phật tri kiến*, nên nguyện cùng đến để ra mắt Phật. Nói là “*các đức*

Phật khó gặp được, thời kỳ gặp Phật cũng khó có” là muốn biết ý nghĩa của Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên.

Chánh văn:

10. Lúc đó, nơi hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm có tám muôn bốn nghìn người thấy đều có thể kham thọ trì kinh Pháp Hoa này. Tịnh Nhân Bồ-tát từ lâu đã thông đạt nơi “Pháp Hoa Tam-muội”. Tịnh Tạng Bồ-tát đã từ vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp, thông đạt môn “Ly chư ác thú Tam-muội”, vì muốn làm cho tất cả chúng sinh lìa các đường dữ vậy.

Phu nhân của vua đặng môn “Chư Phật tập Tam-muội”, hay biết đặng tạng pháp bí mật của các đức Phật. Hai người con dùng sức phương tiện, khéo hóa độ vua cha như thế, khiến cho lòng cha tin hiểu ưa mến Phật pháp.

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng chung với quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức phu nhân cùng chung với thể nữ quyến thuộc nơi hậu cung, hai người con của vua, cùng chung với bốn muôn hai nghìn người, đồng một lúc đi qua chỗ Phật. Đến rồi đầu mặt lạy chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, rồi đứng qua một phía.

Lúc đó, đức Phật kia vì vua nói pháp, chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng, vua rất vui đẹp.

Giảng giải:

Đây là trình bày toàn thể trong cung đều có cơ duyên để giáo hóa, ý hiển bày tạng thức hàm tàng (dung chứa) chủng tử tập khí phiền não, nhờ năng lực Chỉ Quán huân biến, đều chuyển nhiễm khiến cho được thanh tịnh. Cho nên, trong hậu cung của vua gồm 84.000 quyển thuộc đều kham nhận thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tuy nhiên, Như Lai tạng sở dĩ không ra khỏi sinh tử khổ thú, là vì Lục thức gây tạo nghiệp lực lôi kéo và trói buộc. Nay Thất thức chẳng còn chấp ngã thì Lục thức phải chuyển biến, và Bát thức nhân sinh tử phải tuyệt bốn lai không nhiễm, liền nhập Phật tri kiến. Cho nên, Tịnh Nhãn Bồ-tát đăc "*Pháp Hoa Tam-muội*". Bồ-tát Tịnh Tạng thông đạt được "*ly chư ác thú Tam-muội*", do Thủy giác có công nên Bản giác mới hiện. Do vậy, nhà vua với phu nhân đạt được "*chư Phật tập Tam-muội*" có thể biết được tạng bí mật của chư Phật.

Bởi lục và thất, hai thức đã chuyển thì Tiền ngũ thức và Bát thức đồng thời đều chuyển, đưa đến Tứ đại, căn trần, tất cả phiền não chẳng gì không chuyển. Cho nên, vua và quần thần 84.000

người đồng thời chung đến chỗ Phật. Đến đây thì tất cả các pháp không gì chẳng phải là Phật pháp. Cho nên, “*đức Phật kia vì vua nói pháp, chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng*”.

Chánh văn:

11. Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng phu nhân mở chuỗi trân châu giá trị trăm nghìn đeo nơi cổ, để rải trên đức Phật, chuỗi đó ở giữa hư không hóa thành đài báu bốn trụ, trong đài có giường báu lớn trải trăm nghìn muôn thiên y, trên đó có đức Phật ngồi xếp bằng phóng hào quang sáng lớn.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm nghĩ rằng: Thân Phật tốt đẹp riêng lạ ít có, thành tựu sắc thân vi diệu thứ nhất.

Giảng giải:

Đây là sự lợi ích của vua Diệu Trang Nghiêm cúng Phật, do chuyển nhiệm khiến cho thanh tịnh giải thoát sự trói buộc, nên “*mở chuỗi trân châu giá trị trăm nghìn đeo nơi cổ, để rải trên Đức Phật*”. Vì diệu kế Pháp thân và diệu đức của Niết-bàn là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nên “*hóa thành đài báu bốn trụ, trong đài có giường báu lớn trải trăm nghìn muôn thiên y*”. Ở trên đài có đức

HT. Thích Trí Tịnh

Phật ngồi kiết già, vì hư không thường nhất (bằng phẳng) là đức “*Chân thường*”. Thiên y khoác thân là đức “*Chân lạc*”. Đức Phật ngồi kiết già là đức “*Chân ngã*”. Phóng hào quang sáng lớn là đức “*Chân tịnh*”. Bởi tạng thức đã không nên Pháp thân mới hiện, nên mới nghĩ rằng “*thân Phật là sắc thân vi diệu hiếm có*”. Đây là biểu tượng của sự diệu kế Pháp thân.

Chánh văn:

12. Bấy giờ, đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo bốn chúng rằng: “Các người thấy vua Diệu Trang Nghiêm chấp tay đứng trước Ta đó chăng?”.

“Vị vua này ở trong pháp Ta làm Tỷ-kheo siêng ròng tu tập các món trợ Phật đạo pháp, sẽ đặng làm Phật hiệu Ta La Thọ Vương, nước tên Đại Quang, kiếp tên Đại Cao Vương”.

“Đức Ta La Thọ Vương Phật có vô lượng chúng Bồ-tát và vô lượng Thanh văn, nước đó bằng phẳng công đức như thế”.

Giải thích:

Đây là Phật thọ ký cho vua Diệu Trang Nghiêm, do ngộ tạng tánh (giác ngộ tạng thức bản

tính) vốn không, *khai tri kiến Phật* mới là chân nhân thành Phật, do vậy được thọ ký. Khắp che quần sinh nên đức Phật hiệu là “*Ta La Thọ Vương*”. Do phá hết vô minh si ám nên nước tên là “*Đại Quang*”. Siêu việt các cõi nên kiếp tên là “*Đại Cao Vương*”. Đây đều là biểu tượng cho Bất thức xuất trần vậy.

Chánh văn:

13. Vua Diệu Trang Nghiêm liền đem nước giao cho em, rồi cùng phu nhân, hai người con và các quyến thuộc ở trong Phật pháp xuất gia tu hành đạo hạnh.

Vua xuất gia rồi trong tám muôn bốn nghìn năm thường siêng tinh tấn tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa, qua sau lúc đây, đặng môn “Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm Tam-muội”.

Liền bay lên hư không cao bảy cây Đa-la mà bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Hai người con của con đây đã làm Phật sự, dùng sức thần thông biến hóa, xoay tâm tà của con, làm cho được an trụ trong Phật pháp, được thấy Thế Tôn. Hai người này là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành đời trước lợi ích cho con nên đến sinh vào nhà con”.

Giảng giải:

Đây là nói lợi ích của vua Diệu Trang Nghiêm xuất gia. Do tạng thức chuyển thành trí, đồng với Pháp thân. Dùng quyền trí ứng theo duyên nên nói là “*đem nước giao cho em*”. Nói “*rồi cùng phu nhân...*”, ý hiển bày công đức Chỉ Quán đã viên mãn, đồng thời ra khỏi triền phược, thì tất cả trí dụng, căn trần, và các pháp đồng một lúc đều làm diệu dụng. Cho nên “*cùng phu nhân, hai người con và các quyến thuộc, ở trong Phật pháp xuất gia tu hành đạo hạnh*”, chuyển hóa tất cả phiền não thành Phật tri kiến, thế nên “*trong tám muôn bốn nghìn năm thường siêng tinh tấn tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa*”. Đến đây thì tất cả công hạnh đều là tịnh diệu công đức, và đều là trang nghiêm Pháp thân, nên gọi là được “*Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm Tam-muội*”. Chứng Vô trụ Pháp thân, nhập Pháp tánh không, nên nói là “*bay lên hư không*”. Bản giác đã hiển lộ (hiện bày rõ) mới thấy được công đức của Thủy giác. Cho nên, vua đến ra mắt Phật, vì cảm xúc đối với hai người con đã làm thiện tri thức cho mình. Do nhờ pháp lực huân tập, chân như làm duyên nhân Phật tánh, tu hành đắc quả nên nói là “*hai người con của con đây đã làm Phật sự, dùng sức thần thông biến hóa, xoay tâm tà*

của con, làm cho được an trụ trong Phật pháp, được thấy Thế Tôn. Hai người này là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành đời trước lợi ích cho con nên đến sinh vào nhà con". Cho nên, thiện tri thức là đại nhân duyên giáo hóa dẫn dắt vua thấy được Phật. Đây đều hiển bày do năng lực huân tập nhân duyên vậy.

Chánh văn:

14. Lúc đó, đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo vua Diệu Trang Nghiêm rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trồng cội lành thời đời đời đặng gặp thiện tri thức, vị thiện tri thức hay làm Phật sự, chỉ dạy cho lợi ích vui mừng, khiến vào đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác".

"Đại vương nên biết! Vị thiện tri thức đó là nhân duyên lớn, giáo hóa dìu dắt làm cho đặng thấy Phật, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác".

Giải thích:

Đoạn này, đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí ẩn chứng cho vua Diệu Trang Nghiêm, chính là hiển bày nhân duyên Phật tánh nên quý trọng vai trò thiện tri thức. Ý cho rằng chánh nhân Phật tánh mọi người đều sẵn đủ, chúng làm thiện

HT. Thích Trí Tịnh

căn đời trước. Cần thiết là nhờ thiện tri thức duyên nhân trợ phát thì Chỉ Quán huân tu mới hiển, chỗ gọi là “*Phật chủng tùy duyên khởi*”. Cho nên, ở đây quý trọng thiện tri thức, coi đó là đại nhân duyên. Kinh này trải qua sự trình bày bốn nhân của đức Đại Thông Trí Thắng đã gieo duyên chủng Nhất thừa. Đến nay do đó mà được ngộ nhập diệu pháp. Thế nên, Pháp sư trì kinh đều là nhân duyên của Phật tánh cho chúng sinh đời mạt pháp, thế nên chẳng dám xâm hủy. Chính do thiện tri thức là nơi giữ gìn chủng tử Phật tánh, nên lấy đó làm trọng.

Chánh văn:

15. Đại vương! Ông thấy hai người con này chăng? Hai người con này đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn muôn ức Na-do-tha Hằng hà sa các đức Phật, gần gũi cung kính, nơi chỗ các đức Phật thọ trì kinh Pháp Hoa, thương tưởng những chúng sinh tà kiến làm cho trụ trong Chánh kiến.

Giải thích:

Đoạn này nói về bốn nhân của hai vị Vương tử. Nói đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm

nghìn muôn ức Na-do-tha Hằng hà sa các đức Phật, nghĩa là sáu thức sinh khởi trí huệ quán chiếu, ở nơi Ngũ căn, mỗi giác quan đều rõng sáng chẳng bị căn trần làm mê hoặc. Phạm có hành động gì thì đều là diệu hạnh, cho nên nói là *“cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn muôn ức Na-do-tha Hằng hà sa các đức Phật, gân gũi cung kính, nơi chỗ các đức Phật thọ trì kinh Pháp Hoa, thương tưởng những chúng sinh tà kiến làm cho trụ trong Chánh kiến”*. Thế mới biết vị Pháp sư trì kinh chuyên dùng quán chiếu, huân tập làm căn bản, mà công phu huân tập trải qua nhiều kiếp, đó chẳng phải là sự việc ở trong nhất thời mà được.

Chánh văn:

16. Diệu Trang Nghiêm Vương liền từ trong hư không xuống mà bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như Lai rất ít có do công đức trí huệ nên nhục kế trên đánh sáng suốt chói rờ. Mắt Phật dài rộng mà sắc xanh biếc, tương lông trắng chạng mảy như ngọc Kha nguyệt, răng trắng bằng và khít thường có ánh sáng, môi sắc đỏ đẹp như trái Tần-bà”.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm khen ngợi Phật có vô lượng trăm nghìn muôn ức công đức thế rồi, ở trước

HT. Thích Trí Tịnh

Như Lai một lòng chấp tay lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chưa từng có vậy! Pháp của Như Lai đầy đủ trọn nên bất khả tư nghì công đức vi diệu, dạy răn chỗ tu hành an ổn rất hay. Con từ ngày nay chẳng còn lại tự theo tâm hành của mình chẳng sinh những lòng ác: kiêu mạn, giận hờn, tà kiến”.

Vua thưa lời đó rồi, lạy Phật mà ra.

Giảng giải:

Đây là vua Diệụ Trang Nghiêm ca ngợi Phật, để hiển bày biểu tượng diệụ khế Pháp thân. Do đó, trước hết khen ngợi tướng Báo thân đẹp đẽ, sau đó ca ngợi công đức của Pháp thân. Pháp của Như Lai thành tựu đầy đủ công đức vi diệu bất khả tư nghì. Giáo huấn đường lối tu hành để được an ổn, tốt đẹp, vui thích đều là công đức của Pháp thân. Kinh Viên Giác dạy: “Ví như là tiêu quặng vàng, vàng không phải là tiêu quặng mới có, nhưng để trở lại vàng nguyên phải nhờ làm tiêu đi quặng mà thành tựu”. Khi đã là vàng y rồi thì không trở lại làm quặng nữa. Cho nên, Diệụ Trang Nghiêm nói: “*Con từ ngày nay chẳng còn lại tự theo tâm hành của mình chẳng sinh những lòng ác: kiêu mạn, giận hờn, tà kiến*”, đây là Diệụ

Trang Nghiêm thấy suốt tự tâm, đến thẳng chỗ không nghi, đều do công đức của diệu pháp, gọi là ích lợi của Pháp lực gia trì.

Chánh văn:

17. Phật bảo đại chúng: “Ý các ông nghĩ sao? Vua Diêu Trang Nghiêm đâu phải người nào lạ, nay chính là Hoa Đức Bồ-tát, Bà Tịnh Đức phu nhân nay chính là Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ-tát hiện đương ở trước Phật. Hai người con vì thương xót vua Diêu Trang Nghiêm và các quyến thuộc nên sinh vào trong cung vua, nay chính là Dục Vương Bồ-tát cùng Dục Thượng Bồ-tát”.

“Dục Vương và Dục Thượng Bồ-tát này thành tựu các công đức lớn như thế, đã ở chỗ vô lượng trăm nghìn muôn ức các đức Phật trồng các cội công đức, thành tựu bất khả tư nghì những công đức lành. Nếu có người biết danh tự của hai vị Bồ-tát này thời tất cả trong đời, hàng Trời, nhân dân cũng nên lễ lạy”.

Giảng giải:

Đoạn này nói về các nhân duyên ngày nay của hai vị Vương tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, ý muốn nói về khả năng chuyển được tâm tà của Diêu Trang Nghiêm và sự giáo hóa phu nhân cùng

HT. Thích Trí Tịnh

quyển thuộc đều thâm nhập Phật tánh, đều nhờ công phu Chỉ Quán huân tập chuyển hóa của hai con. Đó là nhân đời trước của ngài Dược Vương và Dược Thượng hôm nay.

Tất cả các Bồ-tát tu hành không ai không dựa vào Chỉ Quán mà tu, tất cả chư Phật thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác chưa có vị nào không do Chỉ Quán mà được. Hai vị Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát thành tựu được các công đức lớn ấy là đã ở nơi vô lượng chư Phật vun trồng gốc rễ công đức nên mới có thể thành tựu được năng lực bất khả tư nghì như vậy. Ý muốn đưa về pháp quán tâm đi đến tột cùng của diệu hạnh trì kinh để trình bày công đức của Pháp lực gia trì. Nên phải biết rằng tên của hai vị Bồ-tát, cần lễ bái.

Chánh văn:

18. Lúc Phật nói Phẩm "Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự" này có tám muôn bốn nghìn người xa trần lụy, rời cấu nhiễm, ở trong các pháp chứng được pháp nhãn tịnh.

Giải thích:

Đoạn này đúc kết nghe phẩm kinh này trở thành tác dụng hành động, ý nói công phu Chỉ

Quán thành tựu thì tất cả phiền não trần lao ứng theo tâm niệm mà thanh tịnh, cho nên tám vạn bốn ngàn người xa lìa trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh vậy.

*

HAI MƯƠI TÁM

Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát

Ý có phẩm này là do ở trước đã Tín Giải để giúp cho diệu hạnh thành tựu, hạnh đã thành rồi thì đắc quả, nay đương ở nơi chứng nhập, mà hiện thân diện ngôn thuyết gia trì. Trong kinh nói: *“Người đó nếu ngồi suy nghĩ kinh này, bấy giờ con lại cõi tượng vương trắng hiện ra trước người đó, người đó nếu ở trong kinh Pháp Hoa có quên mất một câu một bài kệ, con sẽ dạy đó chung cùng đọc*

Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát

tụng, làm cho thông thuộc”. Lại nói: “Nếu có người thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh tu tập biên chép kinh Pháp Hoa này, phải biết người đó thời là thấy đức Thích-ca Mâu-ni Phật, như từ miệng Phật mà nghe kinh điển này”. Đây chính là hiện thân diện ngôn thuyết gia trì vậy. Hàng Đẳng giác Bồ-tát nếu không được gia trì thì chẳng vào được bậc Diệu Giác. Nhờ có Pháp thân đến tiếp sức, cho nên cần có gia trì mới được chứng nhập, thế nên mới có phẩm này.

Kinh Pháp Hoa này lấy trí huệ để lập thể, nên ngài Văn-thù là tiêu biểu cho trí để phát khởi, và giúp cho bậc Tín Giải. Kinh này lấy công hạnh để thành tựu đức, nên ngài Phổ Hiền ở rốt sau đã làm rõ nơi phân chứng nhập, đó là *nhập Phật tri kiến* vậy.

Phổ Hiền có hai ý:

1. Đạo tiền Phổ Hiền thuộc về nhân (nhân hạnh Bồ-tát).

2. Đạo hậu Phổ Hiền thuộc về quả (Phật quả sau khi thành Phật đều lấy hạnh nguyện Phổ Hiền để độ sinh).

Nghĩa là công hạnh bao trùm cả Pháp giới nên gọi là *Phổ*, gần tột cùng Thánh nên gọi là *Hiên*, đây là Đẳng giác Bồ-tát thuộc về Nhân, xứng chân Pháp giới gọi là *Phổ*, biến khắp vạn hữu gọi là *Hiên*, đây là bậc Diệu Giác Bồ-tát thuộc về *Quả*.

Do vì Phổ Hiên đây là toàn thể Pháp giới, là nguyên thân của mười phương thân Phật Tỳ-lô-xá-na, cho nên hàng Bồ-tát phải y theo đây mà phát tâm tin hiểu tu hành, trở lại chứng bản thể này. Thế nên nói rằng: *“Không gì chẳng từ nơi Pháp giới này mà lưu xuất ra, lại không gì chẳng trở về Pháp giới này”*. Tuy nhiên, hàng Bồ-tát nhân hạnh đã viên mãn, đến bậc Đẳng giác rồi ắt phải nhờ bậc quả giác đến tiếp độ mà đi vào Diệu Giác. Thế nên, phẩm này làm rốt sau của phần chứng nhập, mà ngài Phổ Hiên lấy nguyện lực để thủ hộ, ắt được kinh này.

Do vì nhân nơi ngài Phổ Hiên Bồ-tát mà được chứng nhập, nên gọi là “Khuyến Phát”.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Phổ Hiên Bồ-tát dùng sức thần

thông tự tại oai đức danh văn, cùng vô lượng vô biên bất khả xưng số chúng Đại Bồ-tát từ phương Đông mà đến.

Giải thích:

Đây là nói về phần nghi thức của ngài Phổ Hiền đến. Khi hội Pháp Hoa bắt đầu không có mặt ngài Phổ Hiền trong chúng hội. Hôm nay, Ngài từ phương Đông đến. Đông phương là chỗ phát sinh ra những chấn động, bởi kinh Pháp Hoa này là diệu hạnh xứng chân Pháp giới, cùng khắp trong tâm vọng tưởng loạn động của tất cả chúng sinh. Nay *nhập Phật tri kiến*, nên tánh thể của Pháp giới mới được hiện tiền. Thế nên, sau cùng của pháp hội, ngài Phổ Hiền mới từ phương Đông đến. Kinh đây, ở phần ban đầu đức Phật phóng quang chiếu ở phương Đông; đến rốt sau, ngài Phổ Hiền cũng từ phương Đông đến, đó là chánh chỉ bày biểu tượng Trí và Hạnh hợp nhất.

Do Pháp tánh này khắp vào trong thân của tất cả chúng sinh, chẳng bị phiền não làm cho trở ngại, nên gọi là “*sức thần thông tự tại*”. Do Pháp thân chân tế là chỗ rời lìa của tâm và ý, nên gọi là “*oai đức*”. Không một đức nào chẳng đủ, nên gọi là “*danh văn*”. Đây là cội gốc của muôn hạnh, nên

HT. Thích Trí Tịnh

ngài Phổ Hiền “*cùng vô lượng vô biên bất khả xưng số chúng Đại Bồ-tát từ phương Đông mà đến*”.

Chánh văn:

2. Các nước đi ngang qua khắp đều rúng động, rưới hoa sen báu, trời vô lượng trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc.

Giải thích:

Đây là nói ngài Phổ Hiền, phạm hành động gì đều là phá vô minh để thành tựu diệu hạnh, làm tăng pháp hỷ, nên gọi là “*khắp đều rúng động, rưới hoa sen báu, trời vô lượng trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc*”.

Chánh văn:

3. Lại cùng vô số các đại chúng: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Câu-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhân, phi nhân v.v... vây quanh, đều hiện sức oai đức thần thông đến cõi Ta-bà trong núi Kỳ-xà Quật, đảnh mặt lạy đức Thích-ca Mâu-ni Phật, đi quanh bên hữu bảy vòng

Giải thích:

Đây là nói về Bát bộ thần chúng đi theo ngài Phổ Hiền, họ đều nhờ diệu hạnh mà hộ pháp, cho

nên nói là “*đều hiện sức oai đức thân thông*”. Nói “*đi quanh bên hữu bảy vòng*” là nghi thức bày tỏ lòng kính trọng khi ra mắt Phật (nói hữu nhiều đó là tỏ ra cung kính tùy thuận, tả nhiều là chống đối).

Chánh văn:

4. Bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con ở nơi nước của đức Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, xa nghe cõi Ta-bà này nói kinh Pháp Hoa, nên cùng với vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức chúng Bồ-tát đồng đến để nghe thọ, cúi mong đức Thế Tôn nên vì chúng con đó nói”.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai diệt độ, thế nào mà có thể đặng kinh Pháp Hoa này”.

Giải thích:

Đây là ngài Phổ Hiền hỏi pháp, để thấy ý của Ngài đến cõi này ra mắt Như Lai. Bởi diệu hạnh của Phổ Hiền là toàn thể Pháp thân, có đại oai lực, nên gọi là “*nước của đức Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật*”. Do tâm văn đồng đạt (nghe thấu suốt) nên gọi là “*Xa nghe*”. Đã nói là xa nghe nên đặc biệt thỉnh Phật thuyết pháp. Đức Thế Tôn chưa đáp một lời, đó là chánh hiển bày đạo vốn ly ngôn chẳng dung chứa âm thanh.